

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 22-02-2023  
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
giữa bà H và ông C.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lý Đông Hòa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Liêu Văn Lộc

Ông Huỳnh Văn Năng

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hoài Thương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

***-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:***  
Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 557/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2022 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Bà L T D H, sinh ngày 28-3-1991  
CMND số 352071003 do công an tỉnh An Giang cấp ngày 24-02-2017  
ĐKKHKT: Tổ 4, khóm H L II, thị trấn A C, huyện C T, tỉnh An Giang.  
Tạm trú: Số nhà 491/22, ấp B H, xã B T, huyện C P, tỉnh An Giang.  
Có mặt tại phiên tòa

***2. Bị đơn:*** Ông N N C, sinh ngày 25-12-1986  
CCCD số 089086023315 cấp ngày 20-8-2021  
Nơi cư trú: Tổ 4, khóm H L II, thị trấn A C, huyện C T, tỉnh An Giang.  
Có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại Đơn khởi kiện xin ly hôn và Bản tự khai ngày 01-11-2022; Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà L T D H trình bày:*

+Về hôn nhân: Bà và ông N N C kết hôn năm 2012, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã B H, huyện C T, tỉnh An Giang số 19/2012, quyển số I/2012 ngày 02-02-2012. Sau khi cưới vợ chồng sống chung nhà mẹ chồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do ông C có quen biết với một người phụ nữ khác, nên bà có nộp đơn đến Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xin ly hôn ông C, qua động viên của thẩm phán giải quyết vụ án nên sau đó bà rút lại đơn khởi kiện và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Sau khi rút lại đơn khởi kiện ông C không thay đổi lối sống, tiếp tục có quen biết với một người phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn không thể hòa giải được. Đến ngày 01-10-2022, bà bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên xin ly hôn với ông N N C.

+Về con chung: Có 01 con chung tên N H T, sinh ngày 15-9-2012. Hiện bà đang nuôi con. Nếu ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con.

+Về cấp dưỡng nuôi con: Bà yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

+Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 29-12-2022; Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông N N C trình bày:* Ông thống nhất với lời trình bày của bà H về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn.

+Về hôn nhân: Ông và bà L T D H kết hôn năm 2011, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã B H, huyện C T, tỉnh An Giang số 19/2012, quyển số I/2012 ngày 02-02-2012. Sau khi cưới vợ chồng sống chung nhà mẹ chồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do ông có quen biết với một người phụ nữ khác, vợ ghen nên có nộp đơn đến Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xin ly hôn ông, nhưng sau đó vợ rút lại đơn khởi kiện và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án, vợ chồng tiếp tục chung sống hạnh phúc. Sau khi vợ rút lại đơn khởi kiện ông lại tiếp tục có quen biết với một người phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn. Đến ngày 01-10-2022, vợ bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Nay bà H xin ly hôn ông nhận thấy còn thương vợ, thương con, không muốn ly hôn. Đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ.

+Về con chung: Có 01 con chung tên N H T, sinh ngày 15-9-2012. Hiện bà H đang nuôi con, từ nhỏ sống chung nhà với ông bà ngoại. Nếu ly hôn ông có yêu cầu được nuôi con.

+Về cấp dưỡng nuôi con:

Nếu ông con, ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Nếu bà H nuôi, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

+Về tài sản chung: Vợ chồng có:

01 nền nhà ngang 5m dài 20m, tọa lạc tại thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang; đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

01 xe ô tô 16 chỗ hiệu FORD, mua năm 2022, giá gần 500.000.000 đồng;

01 xe ô tô 4 chỗ hiệu Hyundai, mua năm 2019, giá 350.000.000 đồng;

Tất cả tài sản trên hiện ông đang quản lý, sử dụng. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+Về nợ chung:

Vợ chồng có vay của ngân hàng Liên Việt 420.000.000 đồng, lãi suất 13,1%/năm, trả vốn lãi theo kỳ 60 tháng, đã trả được 07 tháng; thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở Núi Sập;

Vợ chồng có mượn mẹ ruột tên N T N, sinh năm 1956; cư trú: Số nhà 72, Tổ 4, khóm H L II, thị trấn A C, huyện C T, tỉnh An Giang 150.000.000 đồng, không tính lãi và mượn của em trai tên N T N, sinh năm 1993; định cư ở Hoa Kỳ 2.500 USD. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 30-12-2022, cháu N H T trình bày:* Cháu tên N H T, sinh ngày 15-9-2012, cháu đang sống với mẹ, cháu có đi học, cháu học lớp 5 trường Tiểu học C B T, xã B T, huyện C P, tỉnh An Giang. Cháu biết việc mẹ cháu xin ly hôn cha cháu. Nếu cha mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm như sau:*

*1/Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

*2/Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung tiếp tục ổn định cho bà H nuôi con. Công nhận sự thỏa thuận là ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày 22-02-2022 cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi, bà H đại diện nhận. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về hôn nhân:* Bà L T D H và ông N N C kết hôn năm 2012, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã B H, huyện C T, tỉnh An Giang số 19/2012, quyển số 1/2012 ngày 02-02-2012 theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Bà H có yêu cầu ly hôn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải để hàn gắn lại tình cảm giữa bà H và ông C, nhưng ông C cho rằng còn thương vợ, thương con, không muốn ly hôn.

*Xét thấy:* Từ năm 2017, giữa bà H với ông C phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông C có quen biết với một người phụ nữ khác, bà H ghen nên có nộp đơn đến Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xin ly hôn ông C và Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã thụ lý giải quyết vụ án, qua hòa giải được sự đồng ý của thẩm phán, bà H rút lại đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đình chỉ giải

quyết vụ án. Sau khi bà H rút lại đơn khởi kiện ông C lại tiếp tục có quen biết với một người phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn; điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà H được ly hôn với ông C là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] *Về con chung*: Bà H và ông C có 01 con chung, hiện bà H đang nuôi con. Khi ly hôn cả bà H và ông C đều có yêu cầu được nuôi con chung.

*Xét thấy*: Cháu T đã trên 10 tuổi, hiện bà H nuôi con chu đáo, cháu có nguyện vọng sống với bà H khi bà H và ông C ly hôn. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, để không làm thay đổi cuộc sống cũng như sự phát triển tâm sinh lý của cháu; Hội đồng xét xử xét thấy nên để cho bà H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà H yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Ông C đồng ý cấp dưỡng nuôi con con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy nên công nhận sự thỏa thuận là ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng lần đầu vào ngày 22-02-2023 cho đến khi cháu N H T, sinh ngày 15-9-2012 tròn 18 tuổi; bà H đại diện nhận.

[4] *Về tài sản chung*: Cả bà H và ông C đều trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về nợ chung*: Cả bà H và ông C đều trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5; Điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Nguyên đơn bà H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004002 ngày 23-11-2022 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;

Bị đơn ông C phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con

[7] *Về quyền kháng cáo*: Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn bà H, bị đơn ông C có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22-02-2023).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Các Điều 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Các Điều 9, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5; Điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

[1] *Về hôn nhân*: Bà L T D H được ly hôn với ông N N C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 19/2012, quyển số I/2012 ngày 02-02-2012 của UBND xã B H, huyện C T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[2] *Về con chung*: Bà L T D H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên N H T, sinh ngày 15-9-2012

Bà L T D H và các thành viên trong gia đình bà H không được cản trở ông N N C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại khoản 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông N N C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông C theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Công nhận sự thỏa thuận là ông N N C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng lần đầu vào ngày 22-02-2023 cho đến khi cháu cháu N H T, sinh ngày 15-9-2012 tròn 18 tuổi; bà L T D H đại diện nhận.

[4] *Về án phí*:

Nguyên đơn bà L T D H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004002 ngày 23-11-2022 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;

Bị đơn ông N N C phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn bà L T D H, bị đơn ông N N C có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22-02-2023).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự (để thi hành);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành;
- Phòng Kiểm tra Nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã B H, huyện C T, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Lý Đông Hoà**